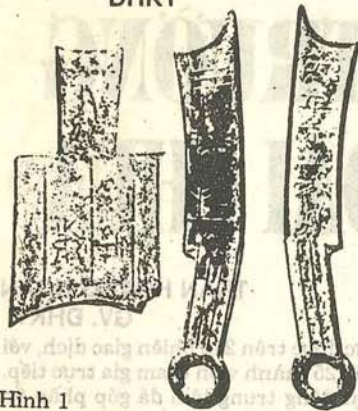


TIỀN TỆ QUA CÁC THỜI ĐẠI

LÊ ANH DŨNG
ĐHKT



Hình 1



Hình 2

10 PHÁT TRIỂN KINH TẾ

1. Từ vật tới tiền

Khởi thủy, trong nhu cầu đổi chác, phương thức xuất hiện đầu tiên là hoán vật (barter hàng đổi hàng): đem vật mình thừa để đổi lấy vật mình thiếu hoặc không có. Loại tiền bằng vật phẩm (vật phẩm hóa tệ) rất cồng kềnh, bất tiện. Sau đó, người ta dùng kim loại làm phương tiện trao đổi (kim thuộc hóa tệ), vì sự bền bỉ và gọn gàng của loại tiền này. Một bộ luật cổ xưa của nước Babylonia dưới triều vua Hammurabi khoảng 2100-1800 trước công nguyên chính thức quy định phải dùng bạc làm thước đo giá trị và làm phương tiện trao đổi (*Columbia-Viking Encyclopedia*, p.878).

Tiền bằng đồ vật ban sơ là ngà voi, da thú, cá khô... Ở Trung Quốc và một số quần đảo là vỏ sò vỏ ốc. Nền văn minh nông nghiệp lại cho ra loại tiền bằng vải lụa hay dao, xẻng. Xem hình 1: Lưỡi xẻng và hai thanh dao, tiền cổ của Trung Quốc (thế kỷ IV trước công nguyên), khai quật được ở huyện Hàm Dương, tỉnh Thiểm Tây, bờ phía bắc của sông vĩ.

2. Đúc tiền kim loại

Vàng, bạc, đồng đỏ được ưa chuộng vì bền, tiện lợi, và bản thân đã có giá trị thực chất (intrinsic value). Lúc đầu giá trị tiền kim loại tương ứng với giá trị lượng kim loại dùng để đúc nên đồng tiền đó. Khi nhu cầu dùng tiền đúc gia tăng, lượng kim loại quý khan hiếm, người ta dùng các kim loại khác như kẽm, hoặc một hợp kim nào đó, và cho dù dùng vàng, bạc, đồng, thì giá trị thực chất cũng không còn, mà chỉ là giá trị quy ước: trị giá của đồng tiền kim loại lớn hơn hẳn so với giá trị lượng kim loại đúc nên nó.

Đồng tiền đúc đầu tiên của phương Tây xuất hiện ở Lydia, thuộc Tiểu Á vào thế kỷ thứ IX trước công nguyên (*Civilization I*, p.52). Tiền đúc đầu tiên của phương Đông xuất hiện đời Chu ở Trung Quốc (1027-256 trước công nguyên). Lúc đầu là dạng lưỡi dao, xẻng, sau là hình tròn, mỏng, dẹt, giữa có lỗ vuông. Đây là biểu tượng của quan niệm trời tròn đất vuông (thiên viên địa phương) trong Kinh Dịch (xem bài "Tìm lại ý người xưa qua tiền đồng lỗ vuông" của Lê Anh Dũng tạp chí PTKT, số 18 tháng 4. 1992, tr.30). Xem hình 2.

Ngoài tiền đồng tròn lỗ vuông, người Trung Quốc còn có loại lỗ tròn. Chỉ đến khi triều đình Mãn Thanh tiếp xúc với phương Tây, họ mới đúc tiền tròn không có lỗ (xem bài "Chinese Coins", tạp chí *Dynasty*, 12. 1973, tr.4).

3. Tiền giấy

Người Trung Quốc là dân tộc đầu tiên phát minh ra giấy và nghề in. Tiền giấy là hệ quả của hai phát minh này. Giấy xuất hiện đầu tiên ở Trung Quốc khoảng năm 105 và từ đó vượt lãnh thổ Trung Quốc sang tới thành phố Samarkand ở Trung Á (nay thuộc Nga). Xưởng giấy đầu tiên ở Samarkand lập năm 751. Giấy qua Bắc Phi và sang Tây Ban Nha khoảng năm 1150, rồi xuyên châu Âu theo đạo

quân thực dân sang tận châu Mỹ năm 169 ở phương Tây, mãi tới thế kỷ XVII họ mới bị dùng bạc giấy (xem *East Asia I*, p.879, 100; trong lúc Trung Quốc đã có giấy bạc từ thế kỷ IX, và chính thương nhân da trắng đã du nhập hình thức chi tệ của Trung Quốc vào châu Âu).

Đĩ nhiên hình thức tiền giấy đầu tiên củ Trung Quốc rất khác với ngày nay, cách dùng cũng khác. Đời Đường gọi là *phi tiền* (tiền bay), là một dạng hối phiếu. Đời Tống gọi là *giao tử*. Chính ra hình thức giao tử của nhà Tống được công nhận năm 1024 mới được gọi là bạc giấy đầu tiên của loài người (xem *East Asia I*, p.219). Và chính đây cũng là dạng ngà hàng đầu tiên của phương Đông (xem bài củ Lê Anh Dũng, PTKT, số 34, tháng 8.1993).

Sang đời Nguyên, vua Mông Cổ chấp nhận sáng kiến dùng tiền giấy của vua Tống Marco Polo (người Ý) sang Trung Quốc không tiếc lời ca ngợi phát minh này. Võ ngựa trường chinh của quân Mông Cổ góp phần đưa tiền giấy sang Triều Tiên, Trung Á, một phần củ Đông Nam Á. Có lẽ vì thế mà Hồ Quý Ly Việt Nam biết chế ra tiền giấy?

Đời Minh vẫn phát hành giấy bạc nhưng, không cho đem tiền giấy đổi lấy vàng, bạc như đời Tống và Nguyên nên không được dân chúng hoan nghênh, cuối cùng bạc giấy bị hủy bỏ năm 1450 (xem *East Asia I*, p.279, 303).

4. Tiền giấy Việt Nam

Người Việt dùng tiền giấy kể từ đời Hồ cuối thế kỷ XIV. Hồ Quý Ly quy định như sau:

- Giấy 10 đồng: vẽ nhánh rồng biển;
- Giấy 30 đồng: vẽ ngọn sóng;
- Giấy 1 tiền: vẽ đám mây;
- Giấy 2 tiền: vẽ con rùa;
- Giấy 3 tiền: vẽ con lân;
- Giấy 5 tiền: vẽ con phượng;
- Giấy 1 quan: vẽ con rồng.

Song song với việc phát hành bạc giấy Hồ Quý Ly cho thu hồi lại tiền đúc bằng đồng (xem *Việt Nam sử lược I*, tr.185).

5. Tiền giấy được thay thế

Xã hội tiền tiền không coi tiền giấy là phương tiện ưu thế nữa. Các ngân phiếu (cheque, check) chiếm vai trò quan trọng hơn. Cuộc cách mạng tiền tệ thực sự đã bùng nổ khi con người từ không dùng tiền giấy để dùng thẻ nhựa (plastic cards) mà thẻ tín dụng là một thí dụ. Ở Mỹ, thẻ tín dụng được khai sinh đầu tiên năm 1914 do sáng kiến của công ty Western Union, rồi trải qua nhiều bước thăng trầm mới phát triển trên toàn thế giới như ngày nay. (Xem thêm bài "Lịch sử thẻ tín dụng", Lê Anh Dũng dịch, tạp chí PTKT, số 9, tháng 5.1991) ♣

Sách tham khảo chọn lọc

- Trần Trọng Kim, *Việt Nam sử lược*, q. I, Sài Gòn: Trung tâm Học Liệu, 1971.
Reischauer and Fairbank, *East Asia: the Great Tradition*, vol. I, Boston: Houghton Mifflin Co., 1960.
The Colombia - Viking Desk Encyclopedia, vol. I-II, New York: The Viking Press, 1960.
Wallbank, Taylor and Bailkey, *Civilization*, vol. I, Scott, Foresman and Co., 1965.
Hilda Hookham, *A Short History of China*, New American Library, 1972.